

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1813 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2025

V/v thực hiện Quyết định số
01/2025/QĐ-TTg ngày 03/01/2025
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp thuộc nhóm 2 quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ Tài chính gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, Bộ Tài chính hướng dẫn các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện như sau:

1. Về áp dụng chính sách thuế:

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế.

Căn cứ các quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh không được miễn thuế GTGT kể từ ngày 18/02/2025; việc kê khai, nộp thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Luật Thuế GTGT và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13

và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Về khai hải quan, theo dõi nghĩa vụ thuế, phí hải quan đối với tờ khai trị giá thấp

2.1. Đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 2 gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế vận chuyển qua đường không, đường biển:

2.1.1. Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện khai hải quan theo phương thức điện tử trên Hệ thống VNACCS (tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp - Tờ khai MIC) theo quy định hiện hành. Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện tính thuế GTGT phải nộp và xuất trình cho cơ quan hải quan theo Mẫu số 02-BKTKTGT Phụ lục I Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC ngày 23/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trong đó bổ sung thêm dòng “*Tổng trị giá hải quan*”, “*Thuế suất thuế GTGT*” và dòng “*Số tiền thuế GTGT*” (theo phụ lục đính kèm công văn này).

2.1.2. Cơ quan hải quan căn cứ bảng kê tính thuế theo Mẫu số 02-BKTKTGT do doanh nghiệp chuyển phát nhanh xuất trình để cập nhật nghĩa vụ thuế phải nộp vào Hệ thống kế toán thuế tập trung. Cơ quan hải quan căn cứ giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước để cập nhật nghĩa vụ thuế hoặc thực hiện hạch toán trừ vào số tiền nộp trước tại tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc trừ lùi bảo lãnh chung theo quy định tại Thông tư số 191/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính và xác nhận trên bảng kê Mẫu số 02-BKTKTGT để xác nhận hàng qua khu vực giám sát.

2.2. Đối với hàng hóa nhập khẩu nhóm 2 gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế vận chuyển qua đường bộ, đường sắt:

- Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện khai tờ khai hải quan theo mẫu HQ/2015/NK ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Cách khai các chỉ tiêu thông tin trên tờ khai thực hiện theo hướng dẫn tại phần III Phụ lục II Danh mục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2019/TT-BTC, trong đó:

+ Tại chỉ tiêu ô số (18) trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu doanh nghiệp khai tên hàng đại diện cho lô hàng và số file đính kèm HYS (Bản kê chi tiết hàng hóa - Doanh nghiệp chuyển phát nhanh thực hiện tính thuế GTGT phải nộp theo Bảng kê chi tiết hàng hóa đính kèm công văn số 6110/TCHQ-GSQL ngày 24/11/2023);

+ Tại chi tiêu ô số (29). Thuế GTGT - “*Trị giá tính thuế*” là “Tổng trị giá hải quan”; “*Thuế suất (%) / Mức thuế*” là “mức thuế GTGT theo quy định”; “*Tiền thuế*” là “tổng số tiền thuế phải nộp theo mức thuế GTGT”.

- Cơ quan hải quan căn cứ thông tin nghĩa vụ phải nộp theo tờ khai hải quan để cập nhật vào Hệ thống kế toán theo quy định và thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế theo hướng dẫn tại điểm 2.1.2 công văn này.

2.3. Đối với hàng hóa nhập khẩu có mức thuế GTGT (5%, 8%, 10%) và không chịu thuế GTGT, doanh nghiệp lập các bảng kê hàng hóa nhập khẩu có cùng mức thuế GTGT.

2.4. Các thủ tục khác thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và hướng dẫn tại công văn số 6110/TCHQ-GSQL ngày 24/11/2023, công văn số 6156/TCHQ-GSQL ngày 29/11/2023 của Tổng cục Hải quan.

3. Biên lai thu thuế, phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp chuyển phát nhanh

Căn cứ khoản 1 Điều 94 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định “*Chúng từ điện tử bao gồm các loại chứng từ, biên lai được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế cấp cho người nộp thuế bằng phương tiện điện tử khi thực hiện các thủ tục về thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và các loại chứng từ, biên lai điện tử khác*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định các thông tin bắt buộc của biên lai;

Doanh nghiệp chuyển phát nhanh sử dụng biên lai theo quy định tại Phụ lục I Thông tư số 178/2011/TT-BTC ngày 08/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý biên lai thu thuế và lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế.

Căn cứ các quy định nêu trên, nếu doanh nghiệp có hệ thống tin học đáp ứng sử dụng biên lai điện tử để giao cho khách hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì thực hiện thông báo phát hành biên lai với cơ quan hải quan theo quy định tại Thông tư số 178/2011/TT-BTC để thực hiện phát hành biên lai điện tử.

4. Yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố quán triệt nội dung hướng dẫn tại công văn này đến các Chi cục Hải quan trực thuộc và niêm yết công khai tại các địa điểm làm thủ tục hải quan. Trường hợp phát sinh vướng mắc thì gửi văn bản báo cáo Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn giải quyết.

Bộ Tài chính thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Nguyễn Đức Chi (để báo cáo);
- TCT và các PTCT TCHQ (để c/d t/hiện);
- Cục QLGSCST, phí và lệ phí-BTC;
- Vụ Pháp chế-BTC;
- Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ CPN quốc tế (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc TCHQ (để thực hiện);
- Lưu: VT, TCHQ (105 bản).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Âu Anh Tuấn

Phụ lục

(Kèm theo công văn số 1813/BTC-TCHQ ngày 17. tháng ..2...năm 2025 của Bộ Tài chính)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN**

Số:/BK-CQBHVB

BẢNG KÊ

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trị giá thấp tính thuế để thông quan

STT	Số Tờ khai	Số vận đơn	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Số kiện	Trị giá (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng trị giá tính thuế								
Thuế suất thuế GTGT (%)								
Số tiền thuế GTGT								

Ý kiến của cơ quan hải quan:

DOANH NGHIỆP LẬP BẢNG KÊ
(Ký, đóng dấu)

.....ngày... tháng.... năm
CCHQ XÁC NHẬN HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT
(Ký, đóng dấu công chức)